

THUẾ TỈNH VĨNH LONG
THUẾ CƠ SỞ 1 TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1198 /TCS1-HCNVDT
V/v triển khai tuyên truyền, hỗ trợ chủ sở hữu nhà chung cư thực hiện nghĩa vụ thuế SDĐPNN

Long Châu, ngày 24 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: Các Tổ chức, Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh, Cá nhân trên địa bàn Thuế cơ sở 1 tỉnh Vĩnh Long

Thực hiện Công văn số 6317/CT-QLTT ngày 25/8/2026 của Cục Thuế về việc triển khai công tác tuyên truyền, hỗ trợ chủ sở hữu nhà chung cư thực hiện nghĩa vụ thuế SDĐPNN;

Thực hiện Công văn số 3174/VLO-CNTK ngày 16/9/2026 của Thuế tỉnh Vĩnh Long về việc triển khai công tác tuyên truyền, hỗ trợ chủ sở hữu nhà chung cư thực hiện nghĩa vụ thuế SDĐPNN.

Thuế cơ sở 1 tỉnh Vĩnh Long triển khai phổ biến đến các đơn vị được biết và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

1. Đối tượng chịu thuế

Thuế SDĐPNN đối với nhà chung cư là nghĩa vụ tài chính bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất gắn với căn hộ chung cư. Đất ở tại đô thị và nông thôn, bao gồm phần đất xây dựng nhà chung cư, đều thuộc đối tượng chịu thuế; phần đất này được phân bổ cho từng căn hộ làm căn cứ tính thuế, bảo đảm công bằng giữa các loại hình nhà ở và góp phần quản lý, sử dụng đất đai hiệu quả.

2. Người nộp thuế

– Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất gắn với căn hộ chung cư.

– Chưa được cấp Giấy chứng nhận: người đang trực tiếp sử dụng căn hộ là người nộp thuế.

– Chủ đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất xây dựng chung cư: chủ đầu tư nộp thuế cho đến khi căn hộ được chuyển nhượng.

3. Căn cứ tính thuế

$\text{Căn cứ tính thuế} = \text{Giá tính thuế} \times \text{Thuế suất}$.

– Diện tích đất tính thuế của mỗi căn hộ = Hệ số phân bổ $\times$ Diện tích nhà sử dụng. Hệ số phân bổ = Diện tích đất xây dựng chung cư $\div$ Tổng diện tích nhà của các chủ sở hữu.

– Có tầng hầm: 50% diện tích tầng hầm sử dụng được cộng vào diện tích nhà để tính hệ số phân bổ.

– Giá 1m² đất tính thuế: theo giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, ổn định theo chu kỳ 5 năm.

– Thuế suất: 0,03% áp dụng đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư.

4. Các trường hợp miễn, giảm thuế

MIỄN THUẾ	GIẢM THUẾ
Đất ở trong hạn mức tại địa bàn có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn.	Đất ở trong hạn mức tại địa bàn có điều kiện KT-XH khó khăn.
Đất ở trong hạn mức của người có công với cách mạng; hộ nghèo theo chuẩn của Chính phủ.	Đất ở trong hạn mức của một số đối tượng chính sách (thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh...).
Số thuế phải nộp hằng năm từ 50.000 đồng trở xuống.	—
Thiệt hại do sự kiện bất khả kháng trên 50% giá tính thuế.	Thiệt hại do sự kiện bất khả kháng từ 20% đến 50% giá tính thuế.

Người nộp thuế thuộc diện miễn, giảm thực hiện khai thông tin đề nghị miễn thuế, giảm thuế hoặc nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 71 Thông tư số 89/2026/TT-BTC, trừ các trường hợp không phải nộp hồ sơ nêu tại Mục 5 dưới đây.

5. Hồ sơ, thủ tục miễn, giảm thuế

– Khai lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu sử dụng đất: nếu thuộc diện miễn, giảm thì khai thông tin đề nghị ngay tại Tờ khai thuế SDĐPNN, kèm bản sao giấy tờ chứng minh. Nếu hồ sơ khai lần đầu chưa có đề nghị, khi đủ điều kiện thì nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế riêng.

– Hồ sơ miễn, giảm thuế gồm: (a) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 01/MGTH; (b) Bản sao giấy tờ liên quan đến thửa đất (Quyết định giao đất, Hợp đồng/Quyết định cho thuê đất, Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) — không phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cơ quan thuế tự khai thác từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; (c) Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm thuế; (d) Trường hợp bất khả kháng: bản sao văn bản xác định thời gian, địa điểm xảy ra sự kiện (Mẫu số 02/MGTH) và tài liệu xác định giá trị thiệt hại.

– Không phải nộp hồ sơ miễn, giảm thuế đối với: hộ gia đình, cá nhân có số thuế phải nộp hằng năm từ 50.000 đồng trở xuống; và các trường hợp miễn, giảm theo Khoản 4, 5, 6 Điều 9 và Khoản 2, 3 Điều 10 Luật Thuế SDĐPNN 2010.

6. kê khai thuế

Trường hợp kê khai	Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
Khai lần đầu	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.
Hàng năm (không đổi yếu tố tính thuế)	Không phải kê khai lại.	Không phải kê khai lại (trong chu kỳ ổn định).
Khai khi thay đổi căn cứ tính thuế	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi (trừ thay đổi do bảng giá đất).	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày phát sinh thay đổi.
Thay đổi người nộp thuế	NNT cũ khai, nộp thuế đến thời điểm thay đổi; NNT mới khai chậm nhất 30 ngày kể từ ngày được công nhận quyền sử dụng đất.	Áp dụng tương tự như đối với hộ gia đình, cá nhân.
Khai tổng hợp (chỉ áp dụng hộ gia đình, cá nhân)	Chậm nhất ngày 31/3 năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế.	Không áp dụng.
Khai bổ sung (phát hiện sai, sót)	Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.	Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

7. Hồ sơ khai thuế

- Mẫu số 01/TK-SDDPNN: Tờ khai thuế SDĐPNN áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân.
- Mẫu số 02/TK-SDDPNN: Tờ khai thuế SDĐPNN áp dụng đối với tổ chức.
- Mẫu số 03/TKTH-SDDPNN: Tờ khai tổng hợp, áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở.
- Đề nghị miễn, giảm thuế ngay tại hồ sơ khai lần đầu: nộp kèm bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm thuế.
- Hộ gia đình, cá nhân không phải nộp hồ sơ khai thuế khi cơ quan thuế đã có đủ thông tin, dữ liệu để tính thuế, trừ trường hợp có đề nghị miễn, giảm thuế ngay trên hồ sơ khai thuế.

8. Nơi nộp hồ sơ khai thuế

- Tổ chức: nộp hồ sơ tại cơ quan thuế nơi có đất thuộc đối tượng chịu thuế.
- Hộ gia đình, cá nhân (theo từng thửa đất): nộp tại cơ quan thuế nơi có đất; trường hợp theo cơ chế một cửa liên thông thì nộp tại cơ quan tiếp nhận theo quy định về đất đai để chuyển đến cơ quan thuế.
- Khai tổng hợp — không có thửa nào vượt hạn mức nhưng tổng diện tích vượt hạn mức: được chọn nộp tại bất kỳ cơ quan thuế nào nơi có thửa đất.
- Khai tổng hợp — có 01 thửa vượt hạn mức: nộp tại cơ quan thuế nơi có thửa đất vượt hạn mức.
- Khai tổng hợp — có nhiều thửa vượt hạn mức: được chọn nộp tại cơ quan thuế nơi có một trong các thửa đất vượt hạn mức.

9. Tính thuế, thông báo nộp thuế

Cơ quan thuế tính thuế, ra thông báo nộp thuế theo hồ sơ khai thuế của hộ gia đình, cá nhân (trừ trường hợp khai tổng hợp, NNT tự xác định số thuế tăng thêm và tự nộp).

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan thuế: chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp đổi NNT nhưng NNT cũ đã hoàn thành nghĩa vụ thì không ra thông báo cho nghĩa vụ đã hoàn thành.
- Hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận phiếu chuyển thông tin.
- Trường hợp không phải nộp hồ sơ khai thuế: chậm nhất ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hệ thống thuế ghi nhận đủ thông tin.
- Chậm nhất ngày 30/4 đối với nghĩa vụ thuế hằng năm (trừ khai tổng hợp).

10. Thời hạn nộp thuế

Trường hợp	Thời hạn nộp thuế
Nộp lần đầu	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo nộp thuế.
Từ năm thứ hai trở đi	Chậm nhất ngày 31/10 hằng năm (nộp một lần trong năm).
Nộp chênh lệch theo Tờ khai tổng hợp	Chậm nhất ngày 31/3 năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế.
Hồ sơ khai điều chỉnh	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo nộp thuế.

11. Hướng dẫn sử dụng ứng dụng eTax Mobile

Người nộp thuế tra cứu nhanh nghĩa vụ thuế, nhận thông báo, gửi phản hồi đến cơ quan thuế ngay trên điện thoại thông qua chức năng "Thông tin tổng quan" của ứng dụng eTax Mobile — chi tiết theo Tài liệu hướng dẫn sử dụng eTax Mobile theo link: https://drive.google.com/drive/folders/1d-YKlCVH1tMlOYOs0tRQABsJTYx_YQEw?usp=drive_link

Hoặc mã QR:



Thuế cơ sở 1 tỉnh Vĩnh Long thông tin đến người nộp thuế trên địa bàn biết. Thường xuyên theo dõi các kênh thông tin chính thức của cơ quan Thuế để kịp thời cập nhật các chính sách thuế mới:

- 1) Trang Fanpage: Thuế cơ sở 1 tỉnh Vĩnh Long;
- 2) Kênh Oa Zalo: Thuế cơ sở 1 tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc vui lòng liên hệ công chức thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn hoặc liên hệ qua các số điện thoại để được hỗ trợ: Tổ Quản lý các khoản thu khác: 02703 824711, 02703 828083./. *Thanh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế cơ sở;
- Các Tổ thuộc Thuế cơ sở;
- Website Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, HCNVDT.

**KT. TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ**



Nguyễn Thị Cẩm Linh